

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2021

V/v tranh chấp: “ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết.

2. Ông Nguyễn Hồng Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hương – Thư ký Toà án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:** Ông Trần Hoài P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 154 ấp Bình Hòa, xã B, huyện T, tỉnh A

**2/ Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Hoài P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông P và bà T tự nguyện tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về tính cách sống thường xuyên cãi nhau, gia đình không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông P yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng L sinh ngày 05/02/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng bà T, ông P yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của ông P nhưng bà T không đến Tòa án cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc ông P xin ly hôn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bà T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bà theo thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc xét xử vắng mặt bà T không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không có ý kiến. Tòa án tiến hành hòa giải cho đoàn tụ nhưng ông P bà T không có thiện chí hàn gắn, thấy mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên ông P yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng L sinh ngày 05/02/2016 giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, Về tài sản chung và nợ chung: ông P không yêu cầu nên không giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Ông Trần Hoài P và bà Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/2015. Nay ông P khởi kiện xin ly hôn làm phát sinh quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Do bà T hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi ông P có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, bà T là bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho bà T các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng bà T vẫn không đến Tòa án

tham gia tố tụng. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Huyền T là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Hoài P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của ông Trần Hoài P, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Hoài P và bà Nguyễn Thị Huyền T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

[7] Xét thấy, ông P và bà T kết hôn chưa được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông P trình bày là do tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về lối sống, thường xuyên cãi nhau, gia đình không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, bản thân ông cũng không còn tình cảm với bà T. Tuy bà T vắng mặt tại phiên tòa, không xác định nguyên nhân mâu thuẫn và theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T thì cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của ông P và bà T nhưng hiện nay ông P và bà T không còn sống chung đã ly thân từ cuối năm 2017. Đồng thời, theo kết quả xác minh của Công an xã Long Thuận, huyện T tỉnh Long An thì bà Nguyễn Thị Huyền T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4 xã Long Thuận huyện T tỉnh Long An, hiện đang sinh sống tại địa phương nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa mà bà T cố tình không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa để giải quyết vụ án, như vậy phía bà T không có thiện chí cũng như không có biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng tức là không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với ông P nữa, ông P cũng xác định không còn tình cảm với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa ông P và bà T không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng L sinh ngày 05/02/2016. Xét thấy hiện nay con chung đang sống cùng bà T, ông P cũng đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung là có căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ông P được quyền được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về cấp dưỡng: bà T không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến nguyện vọng đối với con chung và cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, mức cấp dưỡng ông P đưa ra cũng cao hơn mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho nên Hội đồng xét xử công nhận sự

tự nguyện của ông P cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hoàng L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[11] Về án phí: ông Trần Hoàng Phong phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các điều 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng Phong. Ông Trần Hoàng Phong được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huyền T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng L sinh ngày 05/02/2016. Giao con chung tên Trần Hoàng L cho bà Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Hoàng Phong có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 05/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Trần Hoàng Phong không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: ông Trần Hoàng Phong phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số 0007657 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Ông P còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Án xét xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Ấn văn, Lưu;

**Hồ Bảo Trâm**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN AN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**  
Phiên tòa, ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Bảo Trâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh

2. Ông Lê Văn Tuấn

Xét xử vụ án: Ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị Lệ Uyên và ông Phan Văn Phấn.

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 nhất trí:

**QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 27; Điểm a khoản 1 Điều 33; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 199; Điều 202; Các điều 131, 238, 239, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2000.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ Uyên, bà Nguyễn Thị Lệ Uyên được ly hôn với ông Phan Văn Phấn.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Phan Chấn Hưng sinh ngày 25/9/2010 cho bà Nguyễn Thị Lệ Uyên được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Văn Phấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 575.000 đồng (bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ bản tại thời điểm cấp dưỡng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phan Văn Phấn có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Thị Lệ Uyên và ông Phan Văn Phấn được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Lệ Uyên không đặt ra giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ Uyên phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Chuyển 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Uyên đã nộp theo biên lai thu số 0005437 ngày 10/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm. Bà Uyên không phải nộp thêm.

Ông Phan Văn Phấn phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Tĩnh**

**- Lê Văn Tuấn**

**Hồ Bảo Trâm**